

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2163 /XNK-QLCĐ
V/v: Công bố thông tin

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không
2. Mã chứng khoán: ARM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 414 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội
4. Điện thoại: 04.38271939 – 38271351 Fax: 04.38271925
5. Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Ngọc Tùng
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã được soát xét của CTCP Xuất nhập khẩu Hàng không được lập ngày 28 tháng 07 năm 2024 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin công bố: airimex.vn
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu văn thư, QLCĐ.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Đinh Ngọc Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch
Ông Đỗ Khắc Thanh	Ủy viên
Ông Hoàng Việt Dũng	Ủy viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Ủy viên
Ông Đinh Ngọc Tùng	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đinh Ngọc Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban
Bà Tống Thị Thanh Bình	Thành viên
Ông Đinh Phúc Lộc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đinh Ngọc Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2024

Số: 154/2024/RSMHN-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không**

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 7 năm 2024, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 06 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thành Lâm
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0299-2023-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		140.615.193.887	167.551.641.952
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	11.436.487.761	7.556.416.481
1. Tiền	111		11.436.487.761	7.556.416.481
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.558.401.999	146.768.297.533
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	32.088.672.413	37.725.059.978
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	20.510.091.009	53.083.998.432
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	65.959.638.577	55.959.239.123
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	10.177.232.637	12.382.807.318
1. Hàng tồn kho	141		10.751.223.881	12.956.798.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(573.991.244)	(573.991.244)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		443.071.490	844.120.620
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	410.957.011	329.732.395
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	32.114.479	450.884.702
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	-	63.503.523
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.233.090.434	10.093.809.515
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.676.490.916	7.931.704.803
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	5.978.242.529	7.093.656.416
Nguyên giá	222		20.930.072.500	22.779.527.138
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.951.829.971)	(15.685.870.722)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	698.248.387	838.048.387
Nguyên giá	228		2.513.380.500	2.513.380.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.815.132.113)	(1.675.332.113)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.9	1.134.293.250	1.360.861.648
Nguyên giá	231		14.592.093.630	14.592.093.630
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.457.800.380)	(13.231.231.982)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		422.306.268	801.243.064
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	422.306.268	801.243.064
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		148.848.284.321	177.645.451.467

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		112.560.259.794	140.232.238.950
I. Nợ ngắn hạn	310		111.149.194.794	138.877.408.950
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	11.862.907.511	8.346.422.815
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	14.876.915.600	10.346.023.328
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	1.191.577.876	278.637.047
4. Phải trả người lao động	314		3.335.166.369	3.913.318.220
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.394.880.000	269.464.595
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		36.000.000	36.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	58.498.342.831	53.889.392.555
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	18.557.221.092	61.687.265.762
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		396.183.515	110.884.628
II. Nợ dài hạn	330		1.411.065.000	1.354.830.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	1.411.065.000	1.354.830.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.15	36.288.024.527	37.413.212.517
I. Vốn chủ sở hữu	410		36.288.024.527	37.413.212.517
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.112.830.000	31.112.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.112.830.000	31.112.830.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.910.890	9.910.890
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.473.497.115	1.473.497.115
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.691.786.522	4.816.974.512
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.211.304.496	908.985.642
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.480.482.026	3.907.988.870
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		148.848.284.321	177.645.451.467

Đinh Ngọc Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2024

Nguyễn Thế Đắc
Kế toán trưởngHoàng Thị Bích Hương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	144.745.039.753	82.278.136.268
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		144.745.039.753	82.278.136.268
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	127.497.794.107	66.074.885.162
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		17.247.245.646	16.203.251.106
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		239.352.837	251.347.865
7. Chi phí tài chính	22	5.3	1.373.008.719	323.928.084
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.160.407.692	303.165.647
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	3.209.110.490	2.945.760.924
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	9.915.588.127	10.058.025.684
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.988.891.147	3.126.884.279
11. Thu nhập khác	31		185.393.639	16.231.546
12. Chi phí khác	32		35.132.105	14.707.291
13. Lợi nhuận khác	40		150.261.534	1.524.255
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.139.152.681	3.128.408.534
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	658.670.655	651.371.620
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.480.482.026	2.477.036.914
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	797	796
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	797	796

Đinh Ngọc Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2024

Nguyễn Thế Đắc
Kế toán trưởngHoàng Thị Bích Hương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.6	3.139.152.681	3.128.408.534
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.7	1.481.782.285	1.374.960.432
- Lỗ/(lãi) chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	73.076.849	(99.834.449)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(191.558.909)	(9.061.579)
- Chi phí lãi vay	06	5.3	1.160.407.692	303.165.647
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.662.860.598	4.697.638.585
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		37.866.516.512	(17.737.427.903)
- Giảm hàng tồn kho	10		2.205.574.681	3.322.935.354
- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		10.109.474.505	30.761.732.802
- Giảm chi phí trả trước	12		297.712.180	343.811.081
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.160.407.692)	(315.165.647)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.6	(298.132.805)	(461.999.011)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (i)	17		(4.615.514.969)	(15.608.423.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50.068.083.010	5.003.101.786
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		178.863.636	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.695.273	9.061.579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		191.558.909	9.061.579
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.14	26.386.312.835	7.361.005.767
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.14	(69.516.357.505)	(14.059.349.149)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.205.880.200)	(1.801.569.780)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(46.335.924.870)	(8.499.913.162)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		3.923.717.049	(3.487.749.797)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	7.556.416.481	7.935.462.995
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(43.645.769)	28.711.384
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.1	11.436.487.761	4.476.424.582

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

(i) Đây là dòng tiền thuần giữa khoản phải thu khác (khoản chi hộ người giao ủy thác) và khoản phải trả khác (khoản còn phải trả nhà cung cấp) có liên quan đến hoạt động ủy thác nhập khẩu và tiền chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi. Dòng tiền thuần này được trình bày là chi khác hoặc thu khác cho hoạt động kinh doanh nếu có chênh lệch giữa phải thu khác và phải trả khác tương ứng cho dòng tiền ra hoặc dòng tiền

vào



Đình Ngọc Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2024

Nguyễn Thế Đắc
Kê toán trưởng

Hoàng Thị Bích Hương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không. Ngày 17/10/2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107934 ngày 18/5/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 14/6/2023.

Ngày 26/10/2010, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là ARM theo Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 06/10/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 31.112.830.000 VND, chia thành 3.111.283 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 84 người (tại ngày 01/01/2024 là 81 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại liên quan đến ngành hàng không.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh thương mại, thiết bị chuyên dụng, vật tư và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- Lắp đặt, sửa chữa thiết bị điện dân dụng.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tính đến ngày 30/6/2024, Công ty có Chi nhánh phụ thuộc như sau: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (TP. Hà Nội) tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh với mã số thuế là 0100107934-001.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa văn phòng;
- Chi phí thuê dịch vụ phần mềm quản trị doanh nghiệp;
- Các chi phí trả trước khác.

3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (tiếp)**

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.8 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12 Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê văn phòng, thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

3.16 Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ, số dư phải thu khác và phải trả khác của hoạt động ủy thác xuất nhập khẩu và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

▪ Dịch vụ vận chuyển quốc tế	0%
▪ Dịch vụ ủy thác nhập khẩu	10%
▪ Dịch vụ vận chuyển nội địa	10%
▪ Dịch vụ cho thuê nhà	10%
▪ Các hàng hóa dịch vụ khác	10%

Theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 110/2023/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29/11/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 142/2024/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29/6/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/6/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	133.009.155	261.509.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.303.478.606	7.294.906.742
Cộng	11.436.487.761	7.556.416.481

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/6/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Phải thu bên liên quan	24.098.636.119	33.931.100.994
<i>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP</i>	23.168.450.291	20.174.846.414
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay</i>	622.411.428	13.592.518.580
<i>Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam</i>	307.774.400	163.736.000
Phải thu bên thứ ba	7.990.036.294	3.793.958.984
<i>Công ty CP Giáo dục Tư duy và Sáng tạo Quốc tế CMS</i>	1.833.336.840	1.581.981.948
<i>Công ty TNHH Công nghệ Kỹ thuật Hàng không Việt Nam Singapore</i>	606.695.704	716.545.374
<i>Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP</i>	3.872.555.999	-
<i>Đối tượng khác</i>	1.677.447.751	1.495.431.662
Cộng	32.088.672.413	37.725.059.978

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho bên liên quan	110.870.314	110.870.314
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	110.870.314	110.870.314
Trả trước cho bên thứ ba	20.399.220.695	52.973.128.118
Công ty TNHH TM-DV Xuất nhập khẩu An Tâm	882.027.300	35.295.839.700
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Hàn Việt	5.629.316.000	5.629.316.000
Công ty CP Thuận Quốc	4.265.971.380	7.574.609.148
Công ty TNHH In Thành Đô	838.096.380	3.446.185.400
Công ty CP Ô tô Vũ Linh	7.215.642.000	-
Công ty khác	1.568.167.635	1.027.177.870
Cộng	20.510.091.009	53.083.998.432

4.4 Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/6/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu bên liên quan	57.453.031.971	44.956.625.167
Phải thu về ủy thác trong đó	57.453.031.971	44.956.625.167
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	23.746.226.007	13.803.730.274
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	33.706.805.964	31.152.894.893
Phải thu bên thứ ba	8.506.606.606	11.002.613.956
Phải thu về ủy thác	7.477.325.700	10.399.843.720
Ký cược, ký quỹ	252.440.368	252.440.368
Tạm ứng	126.852.660	126.852.660
Phải thu khác	649.987.878	223.477.208
Cộng	65.959.638.577	55.959.239.123

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.5 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/6/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Giá gốc	10.751.223.881	12.956.798.562
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	573.991.244	573.991.244
Hàng hóa	10.177.232.637	11.967.691.030
Hàng gửi bán	-	415.116.288
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(573.991.244)	(573.991.244)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(573.991.244)	(573.991.244)
Cộng	10.177.232.637	12.382.807.318

4.6 Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/6/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Chi phí cây cảnh	205.508.330	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	205.448.681	329.732.395
Cộng	410.957.011	329.732.395
Dài hạn		
Chi phí thiết bị, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	113.818.614	209.129.464
Chi phí sửa chữa văn phòng	41.154.323	288.080.267
Chi phí thuê dịch vụ phần mềm quản trị doanh nghiệp	247.500.000	277.200.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.833.331	26.833.333
Cộng	422.306.268	801.243.064

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2024	11.643.134.734	1.002.378.394	6.047.021.070	4.086.992.940	22.779.527.138
Thanh lý, nhượng bán	(92.944.062)	-	(1.258.099.571)	(498.411.005)	(1.849.454.638)
Tại ngày 30/6/2024	11.550.190.672	1.002.378.394	4.788.921.499	3.588.581.935	20.930.072.500
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2024	7.414.724.627	1.002.378.394	3.291.185.416	3.977.582.285	15.685.870.722
Khấu hao	768.237.171	-	293.559.642	53.617.074	1.115.413.887
Thanh lý, nhượng bán	(92.944.062)	-	(1.258.099.571)	(498.411.005)	(1.849.454.638)
Tại ngày 30/6/2024	8.090.017.736	1.002.378.394	2.326.645.487	3.532.788.354	14.951.829.971
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	4.228.410.107	-	2.755.835.654	109.410.655	7.093.656.416
Tại ngày 30/6/2024	3.460.172.936	-	2.462.276.012	55.793.581	5.978.242.529

Tại ngày 30/6/2024, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 9.393.661.567 VND (tại ngày 01/01/2024 là 7.544.206.929 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.8 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2024	2.513.380.500	2.513.380.500
Tại ngày 30/6/2024	2.513.380.500	2.513.380.500
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2024	1.675.332.113	1.675.332.113
Khấu hao	139.800.000	139.800.000
Tại ngày 30/6/2024	1.815.132.113	1.815.132.113
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	838.048.387	838.048.387
Tại ngày 30/6/2024	698.248.387	698.248.387

Tại ngày 30/6/2024, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.115.380.500 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.115.380.500 VND).

4.9 Bất động sản đầu tư

	Tại ngày 01/01/2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2024 VND
<u>Bất động sản đầu tư cho thuê</u>				
NGUYÊN GIÁ				
Nhà cửa, vật kiến trúc	14.592.093.630	-	-	14.592.093.630
Cộng	14.592.093.630	-	-	14.592.093.630
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Nhà cửa, vật kiến trúc	13.231.231.982	226.568.398	-	13.457.800.380
Cộng	13.231.231.982	226.568.398	-	13.457.800.380
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.360.861.648			1.134.293.250
Cộng	1.360.861.648			1.134.293.250

Tại ngày 30/6/2024, nguyên giá bất động sản đầu tư hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 5.855.958.417 VND (tại ngày 01/01/2024 là 5.855.958.417 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả bên liên quan	23.585.355	25.445.525
Công ty CP Cung ứng và Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	23.585.355	23.585.355
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	-	1.860.170
Phải trả bên thứ ba	11.839.322.156	8.320.977.290
Công ty TNHH TM-DV Xuất nhập khẩu An Tâm	3.069.756.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận Tường Long	2.479.600.040	-
Công ty TNHH Hangzhou Fuyang Zhiyi Technology	2.204.734.140	2.092.734.000
Công ty TNHH Viet sun Global	1.315.583.933	735.531.602
Công ty TNHH Allainz Technics	-	2.651.470.470
Công ty khác	2.769.648.043	2.841.241.218
Cộng	11.862.907.511	8.346.422.815

4.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Bên thứ ba trả tiền trước	14.876.915.600	10.346.023.328
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	12.339.347.600	9.727.534.800
Allainz Technics (Singapore) Pte Ltd.	-	618.488.528
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	2.537.568.000	-
Cộng	14.876.915.600	10.346.023.328

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2024		Trong kỳ		Tại ngày 30/6/2024	
	VND		VND		VND	
	Số dư		Tăng	Khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	450.884.702		8.183.737.272	8.602.507.495	32.114.479	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	10.057.469.440	10.473.195.633	-	415.726.193
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	508.217.093	508.217.093	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.503.523	-	298.132.805	658.670.655	-	297.034.327
Thuế thu nhập cá nhân	-	278.637.047	506.175.344	455.572.454	-	228.034.157
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	668.628.257	919.411.456	-	250.783.199
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	63.503.523	278.637.047	12.042.622.939	13.019.067.291	-	1.191.577.876

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.13 Phải trả khác**

	Tại ngày 30/6/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan	8.572.373.284	9.766.684.848
Phải trả, phải nộp về ủy thác	6.240.993.770	7.529.902.534
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	6.223.647.916	7.529.902.534
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	727.106	-
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	16.618.748	-
Phải trả về ứng thuế nhập khẩu:	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	331.379.514	236.782.314
Phải trả bên thứ ba	49.925.969.547	44.122.707.707
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	104.402.750	479.417.750
Các khoản phải trả, phải nộp về ủy thác	48.319.448.343	42.262.619.187
Công ty ROHR	4.780.270.467	5.135.627.375
Công ty TNHH Viet Sun Global	4.007.797.508	4.771.240.976
Công ty International Aircraft Engineer	4.256.109.685	2.679.566.945
Công ty Boeing	4.879.839.739	2.089.133.321
Công ty ATR	5.151.305.855	4.660.502.409
Công ty BE AEROSPACE	4.456.441.311	830.265.058
Các công ty khác	20.787.683.778	22.096.283.103
Phải trả về ứng tiền thuế nhập khẩu	288.095.097	288.095.097
Phải trả khác	1.214.023.357	1.092.575.673
Cộng	58.498.342.831	53.889.392.555
Dài hạn		
Phải trả bên thứ ba	1.411.065.000	1.354.830.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.411.065.000	1.354.830.000
Cộng	1.411.065.000	1.354.830.000



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 01/01/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 30/6/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (i)	13.348.018.611	13.348.018.611	17.095.162.281	11.885.959.800	18.557.221.092	18.557.221.092
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương	26.168.527.151	26.168.527.151	9.291.150.554	35.459.677.705	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	22.170.720.000	22.170.720.000	-	22.170.720.000	-	-
Cộng	61.687.265.762	61.687.265.762	26.386.312.835	69.516.357.505	18.557.221.092	18.557.221.092

(i) Chi tiết hợp đồng vay như sau:

Hợp đồng	Số tiền vay /Hạn mức vay (VND)	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn hiệu lực của hạn mức vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
01/2023-HDCVHMTC/NHCT146-AIRIMEX	30.000.000.000	Lãi suất được xác định theo thông báo tại ngày 25 hàng tháng	Từ ngày 10/8/2023 đến ngày 31/7/2024	Bổ sung vốn lưu động thiếu hụt tạm thời trong thanh toán phục vụ hoạt động ủy thác	Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.15 Vốn chủ sở hữu****4.15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	31.112.830.000	9.910.890	1.473.497.115	3.098.008.453	35.694.246.458
Lãi trong năm	-	-	-	3.907.988.870	3.907.988.870
Trả cổ tức	-	-	-	(1.866.769.800)	(1.866.769.800)
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	(84.949.315)	(84.949.315)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(237.303.696)	(237.303.696)
Tại ngày 31/12/2023	31.112.830.000	9.910.890	1.473.497.115	4.816.974.512	37.413.212.517
Tại ngày 01/01/2024	31.112.830.000	9.910.890	1.473.497.115	4.816.974.512	37.413.212.517
Lãi trong kỳ	-	-	-	2.480.482.026	2.480.482.026
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(103.588.129)	(103.588.129)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(390.798.887)	(390.798.887)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(3.111.283.000)	(3.111.283.000)
Tại ngày 30/6/2024	31.112.830.000	9.910.890	1.473.497.115	3.691.786.522	36.288.024.527

(i) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, trả cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 19/2024/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 24/4/2024. Theo đó, thời gian chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2023 (bằng tiền) là ngày 24/5/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 30/6/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	12.852.000.000	41	12.852.000.000	41
Ông Đào Khắc Hậu	7.777.780.000	25	7.777.780.000	25
Ông Đào Văn Hùng	3.552.930.000	11	3.552.930.000	11
Ông Lê Văn Kim	2.037.070.000	7	2.037.070.000	7
Các cổ đông khác	4.893.050.000	16	4.893.050.000	16
Cộng	31.112.830.000	100	31.112.830.000	100

4.15.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.111.283	3.111.283
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.111.283	3.111.283
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	3.111.283
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.111.283	3.111.283
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	3.111.283
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.15.4 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.480.482.026	2.477.036.914
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	3.111.283	3.111.283
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	797	796

(i) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2024.

Hiện tại, Công ty chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động làm suy giảm lãi trên cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**4.16 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	212.471,59	16.595,38
- EUR	833,16	687,64

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	92.214.056.730	33.478.780.039
Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	20.519.943.459	20.572.187.457
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	24.025.885.753	19.675.752.368
Doanh thu dịch vụ khác	7.985.153.811	8.551.416.404
Cộng	144.745.039.753	82.278.136.268

5.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	88.641.630.029	31.412.229.165
Giá vốn của dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	13.748.860.596	14.798.507.901
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	23.148.827.335	18.820.357.850
Doanh thu dịch vụ khác	1.958.476.147	1.043.790.246
Cộng	127.497.794.107	66.074.885.162

5.3 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí lãi vay	1.160.407.692	303.165.647
Lỗi chênh lệch tỷ giá thực hiện	139.524.178	20.762.437
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	73.076.849	-
Cộng	1.373.008.719	323.928.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****5.4 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	160.992.496	101.757.732
Chi phí dụng cụ đồ dùng	141.766.314	75.538.908
Chi phí khấu hao tài sản	162.831.504	162.831.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.609.394.729	1.958.839.899
Chi phí khác bằng tiền	1.134.125.447	646.792.881
Cộng	3.209.110.490	2.945.760.924

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.525.111.634	4.295.124.157
Chi phí vật liệu văn phòng	315.251.667	261.791.568
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	71.608.826	84.140.636
Chi phí khấu hao tài sản	1.092.382.383	746.068.088
Thuế và các khoản lệ phí	175.870.452	595.350.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.605.233.910	2.084.048.939
Chi phí khác bằng tiền	2.130.129.255	1.991.501.679
Cộng	9.915.588.127	10.058.025.684

5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.139.152.681	3.128.408.534
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	154.200.593	128.449.564
Chi phí không được trừ	154.200.593	128.449.564
Lợi nhuận sau điều chỉnh	3.293.353.274	3.256.858.098
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ	3.293.353.274	3.256.858.098
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	658.670.655	651.371.620
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	658.670.655	651.371.620
Thuế TNDN phải (thu)/phải nộp đầu kỳ	(63.503.523)	248.656.576
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(298.132.805)	(461.999.011)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	297.034.327	438.029.185

5.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nhân công	12.632.352.737	11.488.731.218
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	476.244.163	363.549.300
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	213.375.140	159.679.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	1.481.782.285	1.374.960.432
Thuế và các khoản lệ phí	672.628.257	595.350.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.456.881.918	30.601.969.968
Chi phí khác bằng tiền	5.052.918.002	5.316.684.560
Chi phí hàng hóa	87.636.310.222	29.177.746.131
Cộng	140.622.492.724	79.078.671.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Bộ phận bán hàng: Bán thiết bị mặt đất, các xe vận chuyển tại sân bay, bán hàng hóa phục vụ trên chuyến bay;
- Bộ phận nhận ủy thác: Cung cấp dịch vụ xuất, nhập khẩu ủy thác phụ tùng vật tư máy bay;
- Bộ phận dịch vụ vận chuyển: Cung cấp dịch vụ vận chuyển;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ khác: Dịch vụ cho thuê văn phòng, dịch vụ cho thuê kho,...

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)****Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2024**

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Tài sản						
Tài sản của bộ phận	43.211.301.724	73.826.309.930	7.136.759.540	5.695.556.692	-	129.869.927.886
Tài sản không phân bổ						18.978.356.435
Tổng tài sản						148.848.284.321
Nợ phải trả						
Nợ phải trả của bộ phận	20.677.755.080	59.243.417.210	5.396.607.973	3.394.951.165	-	88.712.731.428
Nợ phải trả không phân bổ						23.847.528.366
Tổng nợ phải trả						112.560.259.794



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024**

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	92.214.056.730	20.519.943.459	24.025.885.753	7.985.153.811	-	144.745.039.753
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Cộng	92.214.056.730	20.519.943.459	24.025.885.753	7.985.153.811	-	144.745.039.753
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	88.641.630.029	13.748.860.596	23.148.827.335	1.958.476.147	-	127.497.794.107
Kết quả kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	3.572.426.701	6.771.082.863	877.058.418	6.026.677.664		17.247.245.646
Chi phí không phân bổ						(13.124.698.617)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính						4.122.547.029
Thu nhập tài chính						239.352.837
Chi phí tài chính						(1.373.008.719)
Lợi nhuận khác						150.261.534
Lợi nhuận trước thuế						3.139.152.681
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(658.670.655)
Lợi nhuận sau thuế						2.480.482.026

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)****Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2024**

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Tài sản						
Tài sản của bộ phận	86.290.442.826	66.966.669.675	2.251.287.495	5.003.566.503	-	160.511.966.499
Tài sản không phân bổ						17.133.484.968
Tổng tài sản						177.645.451.467
Nợ phải trả						
Nợ phải trả của bộ phận	15.963.533.633	52.080.616.818	1.865.827.202	3.789.908.731	-	73.699.886.384
Nợ phải trả không phân bổ						66.532.352.566
Tổng nợ phải trả						140.232.238.950

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023**

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Cộng VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	33.478.780.039	20.572.187.457	19.675.752.368	8.551.416.404	-	82.278.136.268
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Cộng	33.478.780.039	20.572.187.457	19.675.752.368	8.551.416.404	-	82.278.136.268
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	31.412.229.165	14.798.507.901	18.820.357.850	1.043.790.246	-	66.074.885.162
Kết quả kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	2.066.550.874	5.773.679.556	855.394.518	7.507.626.158	-	16.203.251.106
Chi phí không phân bổ						(13.003.786.608)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính						3.199.464.498
Thu nhập tài chính						251.347.865
Chi phí tài chính						(323.928.084)
Lợi nhuận khác						1.524.255
Lợi nhuận trước thuế						3.128.408.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(651.371.620)
Lợi nhuận sau thuế						2.477.036.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có Chi nhánh đặt tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh chỉ có nhiệm vụ điều phối hoạt động khu vực miền Nam, toàn bộ doanh thu chỉ phát sinh ở trụ sở chính. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – Báo cáo bộ phận.

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty CP Cung ứng và XNK Lao động Hàng không	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cổ đông lớn	

Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	72.078.658.761	63.399.276.904
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	2.473.250.983	2.871.391.306
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	1.286.732.000	-
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	114.420.000	-
Cộng	75.953.061.744	66.270.668.210



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)****Mua hàng và dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	366.034.406	337.657.323
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	102.830.148	108.090.954
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	4.200.000	4.164.000
Công ty CP Cung ứng và XNK Lao động Hàng không	131.029.752	131.029.752
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	815.791	672.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Hồ Chí Minh	165.136.367	-
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	3.703.700	-
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	2.520.000	-
Cộng	776.270.164	581.614.029

Chi trả cổ tức

Giao dịch chi trả cổ tức trong kỳ chi tiết xem tại Thuyết minh số 4.15.1 "Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

		Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị ("HĐQT")			
Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch HĐQT	478.886.595	443.969.063
Ông Đỗ Khắc Thanh	Ủy viên HĐQT	44.075.197	38.062.665
Ông Hoàng Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	44.075.197	38.062.665
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Ủy viên HĐQT	44.075.197	10.222.665
Ông Nguyễn Duy Việt	Ủy viên HĐQT	4.001.919	16.514.663
Cộng		615.114.105	546.831.721
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc			
Ông Đinh Ngọc Tùng	Tổng Giám đốc	504.626.637	430.454.400
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	272.103.542	224.763.295
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	261.154.396	224.659.407
Cộng		1.037.884.575	879.877.101
Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát	33.625.918	20.823.635
Ông Đinh Phúc Lộc	Thành viên Ban Kiểm soát	232.260.194	194.556.692
Bà Đỗ Thu Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát	3.001.439	160.994.902
Bà Tống Thị Thanh Bình	Thành viên Ban Kiểm soát	174.705.853	18.593.027
Cộng		443.593.404	394.968.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh 4.2 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh 4.3 "Trả trước cho người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh 4.4 "Phải thu ngắn hạn khác";
- Thuyết minh 4.10 "Phải trả người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh 4.13 "Phải trả khác".

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024.

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.



Đinh Ngọc Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 7 năm 2024

Nguyễn Thế Đắc
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Bích Hương
Người lập

